

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HSST

Ngày: 06 – 5 – 2020

**N H Â N D A N H
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH – TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân :

Ông Nguyễn Mạnh Trường

Bà Đoàn Thị Dịu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện VKSND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xử số: 12/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Văn T - Sinh năm: 1980; Nơi cư trú: Thôn 13, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 0/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Văn K (đã chết); Con bà: Phạm Thị Đ, sinh năm 1961; Gia đình có 5 anh chị em, bị cáo là thứ 4; Vợ Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; Có 3 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 9/6/2005 bị TAND quận Thanh Xuân, TP Hà Nội xử phạt 45 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/11/2019, bị tạm giam từ ngày 05/12/2019 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20h50’ ngày 25/11/2019, Trần Văn T điều khiển xe máy BS 18E1-070.84 từ nhà đi đến khu vực chân cầu Lạc Quần thuộc địa phận huyện Xuân

Trường, tỉnh Nam Định, khi đi T mang theo 2.000.000đ (hai triệu đồng) tìm mua ma túy sử dụng, tới nơi thấy một nam thanh niên đang đứng dựng xe máy đi lại tại khu vực chân cầu, nghĩ người này có bán ma túy, T lại gần hỏi: “Có hàng lắc với ke không, để cho hai củ”, hiểu ý T muốn hỏi mua ma túy dạng thuốc lắc và ma túy Ketamine với giá hai triệu đồng, nam thanh niên nói: “Có, được năm cái lắc, một cái ke, lấy thì đưa tiền đây”; T nói: “Ừ” rồi đưa tiền cho nam thanh niên; nam thanh niên nhận tiền đồng thời đưa lại cho T 01 gói giấy màu trắng. T nhận gói giấy mở ra kiểm tra thấy bên trong có năm viên ma túy thuốc lắc màu xanh và 01 gói nilon màu trắng chứa ma túy Ketamine rồi gói lại cầm ở bàn tay trái và điều khiển xe máy đi về. Khi đi đến khu vực cầu Cao tỉnh lộ 488B thuộc xã Trực Tuấn, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định thì bị tổ công tác Công an tỉnh Nam Định đang làm nhiệm vụ yêu cầu kiểm tra; T đã tự giác giao nộp gói ma túy cho lực lượng công an, gói giấy bên trong có chứa 05 viên nén tròn màu xanh, trên bề mặt trước mỗi viên có in chữ “L” “V” lồng vào nhau; trên bề mặt sau mỗi viên đều có nét gạch ngang và 01 túi nilon màu trắng KT (2x2)cm bên trong có chứa chất bột tinh thể màu trắng, T khai nhận là Ketamine được niêm phong ký hiệu là T và T1 T mua về để sử dụng. Ngoài ra thu giữ của T 01 điện thoại Iphone màu trắng vàng đã cũ và 01 xe máy BS 18E1-070.84.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của T thu giữ:

- 01 hộp nhựa màu trắng bên trong có đựng 03 gói nhỏ nilon màu trắng, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, T khai nhận là ma túy đá, được niêm phong ký hiệu M1;
- 01 lọ nhựa màu trắng có nắp đậy đường kính 3m, cao 4cm, bên trong có 10 gói nilon màu trắng bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, T khai nhận là ma túy đá, niêm phong ký hiệu M2;
- 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Văn T;
- Thu giữ trên mặt chạn bếp tầng 1 nhà ở của T 01 cân điện tử màu bạc có nắp đậy KT 6x12cm đã cũ (BL 35-36).

Kết luận giám định số 1046 ngày 27/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định: Mẫu gồm 05 viên nén hình tròn màu xanh trên bề mặt trước mỗi viên có in chữ “L” “V” lồng vào nhau; trên bề mặt sau mỗi viên đều có nét gạch ngang được niêm phong ký hiệu T, gửi giám định đều là ma túy; loại ma túy MDMA; tổng khối lượng mẫu T: 1,660 gam. Mẫu rắn dạng tinh thể màu trắng được niêm phong ký hiệu T1 gửi giám định là ma túy, loại ma túy: Ketamine; khối lượng mẫu T1 0,602 gam. Mẫu dạng tinh thể màu trắng được niêm phong ký hiệu

M1 và M2 gửi giám định đều là ma túy; Loại ma túy: Methamphetamine; tổng khối lượng mẫu M1: 0,491 gam, tổng khối lượng mẫu M2: 2,780 gam.

Quá trình điều tra, CQĐT đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được cụ thể đối tượng đã bán ma túy cho T để xử lý.

Đối với 01 thẻ căn cước mang tên Trần Văn T, 01 điện thoại Iphone màu trắng vàng đã cũ và 01 xe máy BS 18E1-070.84 sau khi xác minh xác định điện thoại Iphone là của T chỉ dùng để liên lạc cá nhân; xe máy BS 18E1-07084 là của vợ chồng T mua từ năm 2012 để sử dụng làm phương tiện đi lại, xe được đăng ký tên chị H, chị H không biết T lấy xe máy của gia đình đi mua ma túy sử dụng; CQĐT đã trả lại điện thoại, 01 thẻ căn cước và xe máy cho chị H quản lý, sử dụng.

Tại cơ quan điều tra Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Cáo trạng số 09/QĐ-KSĐT ngày 09 tháng 03 năm 2020 của VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm n khoản 2 Điều 249 BLHS.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện VKSND huyện Trục Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản cáo trạng nêu trên, sau khi luận tội đã đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Căn cứ điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS, xử phạt Trần Văn T từ 05 năm đến 06 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc cân điện tử màu bạc có nắp đậy đã cũ, đã qua sử dụng và tịch thu tiêu huỷ toàn bộ số ma túy, loại ma túy MDMA, Ketamine và Methamphetamine đã thu của Trần Văn T; 01 hộp nhựa màu trắng có nắp đậy màu đỏ; 01 hộp nhựa màu trắng có nắp đậy.

Bị cáo Trần Văn T đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về đoàn tụ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh đã thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Hành vi phạm tội của bị cáo đã được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay; lời khai của người làm chứng; biên bản về việc bắt giữ người phạm tội quả tang; biên bản khám xét; kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 13/01/2020 Trần Văn T có hành vi cất giấu trái phép gồm: 1,660 gam MDMA ; 0,602 gam Ketamine và 3,271 gam Methamphetamine để sử dụng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 BLHS. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tàng trữ nhiều loại ma túy để sử dụng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm n khoản 2 Điều 249 BLHS.

[3]. Bị cáo là người có đủ năng lực, trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả nguy hiểm về hành vi phạm tội của mình đối với đời sống xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Gia đình bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn đã được chính quyền địa phương xác nhận, cũng nên giảm nhẹ 1 phần hình phạt cho bị cáo, theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh. HĐXX xét thấy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo, cũng như việc phòng chống tội phạm nói chung.

[4] Hình phạt bổ sung: HĐXX thấy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc cân điện tử màu bạc có nắp đậy đã cũ, đã qua sử dụng và tịch thu tiêu huỷ toàn bộ số ma túy; loại ma túy MDMA, Ketamine và Methamphetamine đã thu của Trần Văn T; 01 hộp nhựa màu trắng có nắp đậy màu đỏ; 01 hộp nhựa màu trắng có nắp đậy.

[6] Án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm n khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/11/2019.

2. Vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 chiếc cân điện tử màu bạc có nắp đậy đã cũ, đã qua sử dụng và tịch thu tiêu huỷ toàn bộ số ma túy, loại ma túy MDMA, Ketamine và Methamphetamine đã thu của Trần Văn T, có trong bì thư số 1046/GĐKTHS, ký hiệu (T, T1, M1, M2) của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định; 01 hộp nhựa màu trắng có nắp đậy màu đỏ; 01 hộp nhựa màu trắng có nắp đậy (có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 11 tháng 03 năm 2020 giữa CQCSĐT Công an huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định).

3. Án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 23 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh Nam Định;
- Công an huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu HSVA + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Thu